ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1838E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy thử bền kéo nén*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: WA-1000)*
Type:

Số: *2404401*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật :
Specifications:
- *Phạm vi đo : (0 ÷ 1000) kN*
- *Vạch chia: 0,01 kN*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP***
User:

Địa chỉ: *Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn Proeti (0÷3000) kN, U= 0.05%*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-26057*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 08 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện *Implementer*	**Giám Đốc** *Director*
Mai Tấn Hùng	**Nguyễn Thành Tân**

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N°: 1838E.26/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

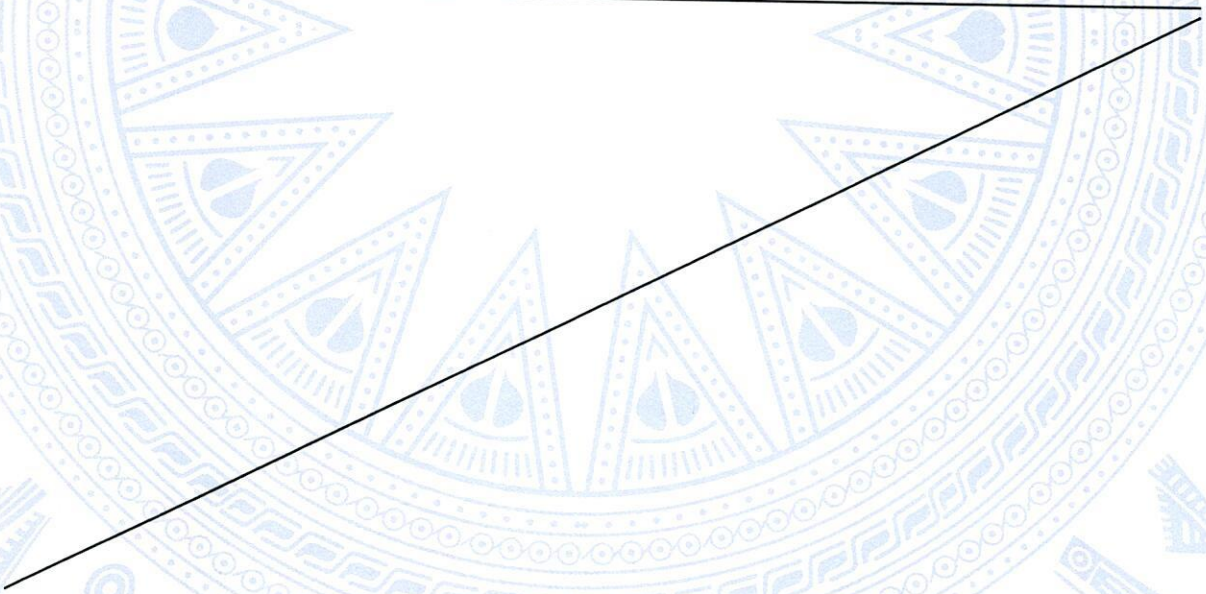
Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Sai Số (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng: k=2; P = 95%
100	99,778	0,222	1,83
200	198,872	1,128	1,75
300	298,346	1,654	1,65
400	398,356	1,644	1,72
500	497,174	2,826	1,59
600	597,356	2,644	1,78
700	697,456	2,544	1,72
800	797,068	2,932	1,89
Phương trình hiệu chuẩn: y= 0,9964x - 0,3313			

Trong đó: y là giá trị tính toán, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo, kN

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment. law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số:1839E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy thử độ bền nén*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model:TYA-2000)* Số: *2312856*
Type: *Serial No:*

Nơi sản xuất: *Trung Quốc* Năm: *N/A*
Manufacturer: *Year:*

Đặc trưng kỹ thuật: *- Phạm vi đo: (0÷2000) kN*
Specifications: *- Giá trị vạch chia: 0,01 kN*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP***
User:

Địa chỉ: *Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN : 109:2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế (0-3000 kN), U= 0,05% (k=2,P=95%)*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-26058*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 08 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng

Giám Đốc
Director

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thành Tân

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy kết quả số/ *Enclose the result sheet with number:* 1839E.26/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

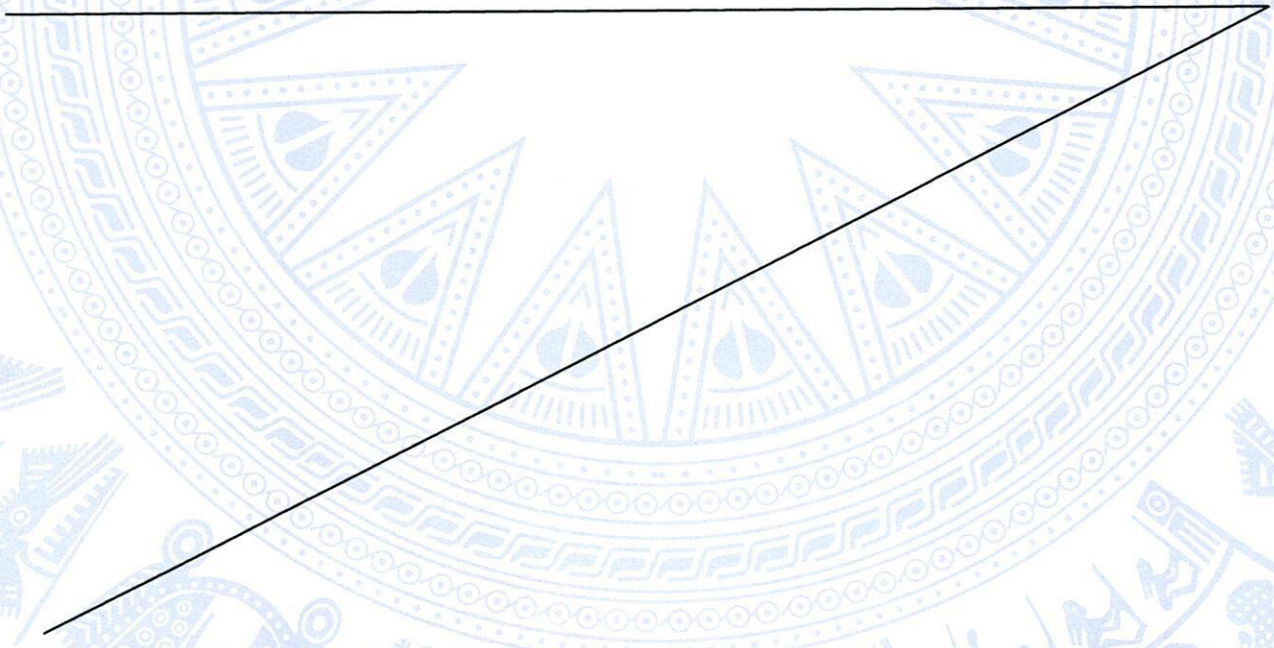
Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc TB trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ lệch (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
200	198,106	1,894	0,85
400	398,157	1,843	0,97
600	598,375	1,625	0,75
800	798,353	1,647	0,89
1000	998,202	1,798	0,78
1200	1197,489	2,511	0,69
1400	1397,755	2,245	0,69
1600	1597,427	2,573	0,74
1800	1796,671	3,329	0,85
Phương trình hiệu chuẩn: y = 1,0004x - 1,9158			

Trong đó: y là giá trị tính toán, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo, kN

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1840E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo nhiệt độ (Tủ sấy)*
Object:

Kiểu: *Cơ (Model: 101-2A)*
Type:

Số: *231119*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:
- *Phạm vi đo: (0 ÷ 300) °C*
- *Vạch chia: 1 °C*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP***
User:

Địa chỉ: *Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 138.2/2018*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Bộ nhiệt đa kênh, cảm biến nhiệt độ*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-26059*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 08 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện *Implementer*	**Giám Đốc** *Director*
Mai Tấn Hùng	**Nguyễn Thành Tân**

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

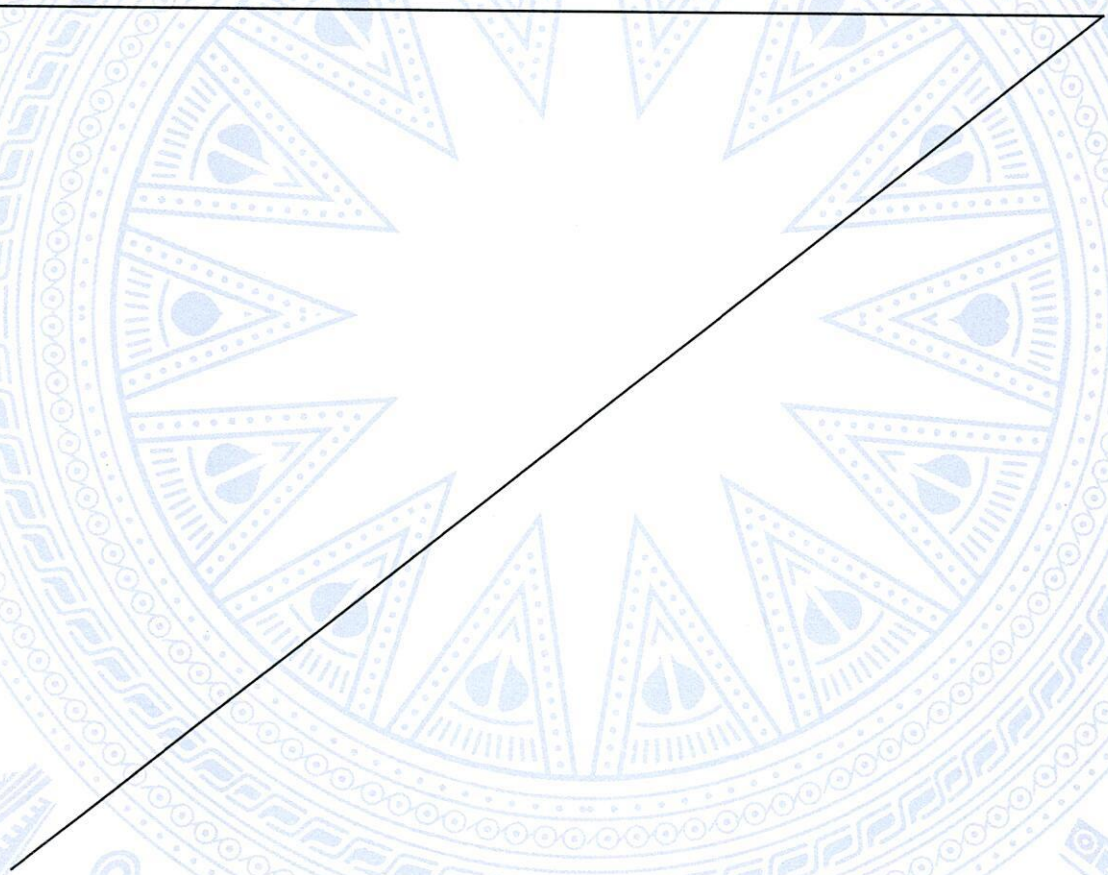
Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N° 1840E.26/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Giá trị đọc trên phương tiện đo (°C)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (°C)	Độ lệch (°C)	Độ KĐBĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
1	50	50,9	0,9	1,2
2	100	101,2	1,2	
3	150	151,5	1,5	
4	200	202,7	2,7	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

ĐK: 386

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1841E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân kỹ thuật*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: HC-B50002)* *Số: 23010127*
Type: *Serial No:*

Nơi sản xuất: *Trung Quốc* Năm: *N/A*
Manufacturer: *Year:*

Đặc trưng kỹ thuật : *- Max = 5 kg, min= 0,5 g*
Specifications: *- Vạch chia: d = 0,01 g*
- Cấp chính xác II

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP***
User:

Địa chỉ: *Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 16.2/2018*
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng: *Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F_1*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-26060*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 08 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện *Implementer*	**Giám Đốc** *Director*
Mai Tấn Hùng	**Nguyễn Thành Tân**

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N°: 1841E.25/ĐLMT*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Giá trị quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐBĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
1	10	10,00	-	2,6
2	50	50,00	-	
3	100	100,00	-	
4	500	500,00	-	
5	3000	3000,01	0,01	
6	5000	5000,02	0,02	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (32) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment. law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - Phường An Khê - Thành phố Đà Nẵng.

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * ĐT: 0236.654.8449 - 096.750.7974

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 1842E.26/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân đĩa*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: ALC-6A)* — *Số: 58821031211*
Type: — *Serial No:*

Nơi sản xuất: *Trung Quốc* — Năm: *N/A*
Manufacturer: — *Year:*

Đặc trưng kỹ thuật : *Specifications:*
- *Max = 6 kg, min= 4 g*
- *Vạch chia: d = 0,2 g*
- *Cấp chính xác III*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH VP***
User:

Địa chỉ: *Nhà ông Lương Văn Xuyên, thôn Kim Sơn 1, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 15.2/2018*
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng: *Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F_1*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-26068*
Stamp N°:

Ngày hiệu chuẩn đến: (*) *Ngày 08 tháng 5 năm 2027*
Calibration until:

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 5 năm 2026
Date of issue

Người thực hiện *Implementer*	**Giám Đốc** *Director*
Mai Tấn Hùng	**Nguyễn Thành Tân**

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number* N°: 1841E.25/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Giá trị quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Độ KĐBĐ mở rộng: k = 2; P = 95%
1	10	10,0	-	2,6
2	50	50,0	-	
3	100	100,0	-	
4	500	500,0	-	
5	3000	3000,2	0,2	
6	5000	5000,2	0,2	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (32) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**